Biểu số: 011.N/BCC-XDĐT

Ban hành theo……

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 30 tháng 9 năm sau

BÁO CÁO CHÍNH THỨC VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN PHÂN THEO NGUỒN VỐN VÀ KHOẢN MỤC ĐẦU TƯ
(Giá so sánh 2010)
Năm ……..

- Đơn vị báo cáo: Cục Thống kê ……
- Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thống kê

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm
A	B	1
TỔNG SỐ (01=02+29+34=43+49+50+51+52)	**01**	
A. PHÂN THEO NGUỒN VỐN		
1. Vốn nhà nước trên địa bàn (02=03+04+05+08+09+10)	**02**	
- Ngân sách nhà nước (03=12+21)	03	
- Trái phiếu Chính phủ (04=13+22)	04	
- Tín dụng đầu tư phát triển (05=06+07)	05	
+ *Vốn trong nước* (06=15+24)	06	
+ *Vốn nước ngoài (ODA)* (07=16+25)	07	
- Vốn vay từ các nguồn khác (08=17+26)	08	
- Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước (09=18+27)	09	
- Vốn khác (10=19+28)	10	
Chia ra:		

1. Vốn Trung ương quản lý (11=12+13+14+17+18+19)	**11**	
a. Ngân sách nhà nước	12	
b. Trái phiếu Chính phủ	13	
c. Tín dụng đầu tư phát triển (14=15+16)	14	
- Vốn trong nước	15	
- Vốn nước ngoài (ODA)	16	
d. Vốn vay từ các nguồn khác	17	
e. Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước	18	
f. Vốn khác	19	
2. Vốn địa phương quản lý (20=21+22+23+26+27+28)	**20**	
a. Ngân sách nhà nước	21	
b. Trái phiếu Chính phủ	22	
c. Tín dụng đầu tư phát triển (23=24+25)	23	
- Vốn trong nước	24	
- Vốn nước ngoài (ODA)	25	
d. Vốn vay từ các nguồn khác	26	
e. Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước	27	
f. Vốn khác	28	
II. Vốn ngoài nhà nước (29=30+33)	**29**	
1. Vốn của tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước (30=31+32)	30	

- Vốn tự có	31	
- Vốn khác	32	
2. Vốn đầu tư của dân cư	33	
III. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (34=35+38)	**34**	
1. Vốn tự có (35=36+37)	35	
- Bên Việt Nam	36	
- Bên nước ngoài	37	
2. Vốn vay (38=39+40)	38	
- Bên Việt Nam	39	
- Bên nước ngoài	40	
B. PHÂN THEO KHOẢN MỤC ĐẦU TƯ		
Trong đó: + Nhà xưởng, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong nước	41	
+ Chi phí đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý sản xuất	42	
1. Đầu tư xây dựng cơ bản (43=44+45+46)	**43**	
Chia ra:		
- Xây dựng và lắp đặt	44	
- Máy móc, thiết bị	45	
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác	46	
Trong đó:		
+ Chi đền bù, giải phóng mặt bằng	47	

+ Tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất	48	
2. Mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua XDCB	**49**	
3. Sửa chữa, nâng cấp TSCĐ	**50**	
4. Bổ sung vốn lưu động dưới dạng hiện vật bằng vốn tự có	**51**	
5. Đầu tư khác	**52**	

....., ngày.....tháng ..... năm .....

Người lập biểu	**Người duyệt biểu**	**Cục trưởng**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu)*

Nguồn: Thông tư 01/2019/TT-BKHĐT